

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/DSST

Ngày: 29-8-2017

*V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn;**

2. Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2016/TLST-DS ngày 14/12/2016; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2017/QĐXXST-DS, ngày 07/8/2017, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; Địa chỉ: Số 40- 42- 44 A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh V, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL – Phòng giao dịch huyện T (theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2017); (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974;

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Anh H, chị N đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị A, sinh năm 1944, vắng mặt không lý do;

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, vắng mặt không lý do;

3. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1972, vắng mặt không lý do;

4. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1971 (có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL có nội dung như sau:

Vào ngày 20/6/2013 anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị N với Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL – Phòng giao dịch huyện T có ký kết hợp đồng tín dụng số TD 2185/HĐTD vay số tiền bằng 120.000.000 đồng, mục đích vay: chăn nuôi heo, cải tạo vườn dừa, trồng mía, lãi suất tiền vay 1.3%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng/lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng ngay tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 5,1%/năm, lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức cho vay). Lãi suất nợ quá hạn 150%; hình thức thanh toán: gốc trả cuối kỳ ngày 20/9/2014; lãi trả vào ngày 20 hàng quý; phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả. Bên vay có thế chấp: Quyền sử dụng đất màu, thổ quả và cây lâu năm khác, tổng diện tích 9.650m², tờ bản đồ số 0002, thuộc các thửa 317, 320, 396, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy CNQSDĐ số B714883 do UBND huyện T cấp ngày 30/7/1994 do Cao Thị A đứng tên quyền sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm và chứng thực theo quy định ngày 20/6/2013.

Khi vay tiền anh H, chị N có trả cho Ngân hàng được 6.000.000 đồng tiền vốn và đóng lãi bằng 97.077.210 đồng (trong đó lãi trong hạn bằng 22.174.076 đồng; tiền phạt chậm trả lãi bằng 9.540.076 đồng; lãi quá hạn bằng 65.362.186 đồng), thì ngưng không trả vốn và lãi nên vi phạm hợp đồng và đến nay anh H, chị N còn nợ lại Ngân hàng tổng cộng bằng 123.476.820 đồng (trong đó vốn gốc bằng 114.000.000 đồng; lãi quá hạn 9.476.820 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong hợp đồng tín dụng số TD 2185/HĐTD, ngày 20/6/2013.

Nguyên đơn khởi kiện ủy quyền cho ông Kiều Thanh O và ông O ủy quyền lại cho ông Lê Thanh V –Phó Giám đốc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị N trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Trường hợp anh H, chị N không thanh toán hết nợ vay yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp bán đấu giá để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N cùng trình bày:

Vào ngày 20/6/2013, anh chị có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL – Phòng giao dịch huyện T với số tiền vốn vay bằng 120.000.000 đồng và nội dung hợp đồng tín dụng số TD 2185/HĐTD như Ngân hàng cung cấp, anh chị có trả được 66.000.000 đồng và theo bảng tính lãi của Ngân hàng cung cấp đến ngày 29/8/2017 anh H, chị N đã trả được tổng cộng bằng 103.077.210 đồng (trong đó vốn bằng 6.000.000 đồng tiền vốn và đóng lãi bằng 97.077.210 đồng (lãi trong hạn bằng 22.174.076 đồng; tiền phạt chậm trả lãi bằng 9.540.076 đồng; lãi quá hạn bằng 65.362.186 đồng), do hiện nay làm ăn thua lỗ nên không

có tiền thanh toán nợ cho Ngân hàng, đối với khoản nợ vay anh chị xin trả cho Ngân hàng mỗi tháng bằng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vay.

Còn đối với yêu cầu xử lý tài sản của hộ bà Cao Thị A thì yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định. Lúc Ngân hàng cho vay tiền không có xuống đất thẩm định tài sản, đối với căn nhà của anh chị cất trên thửa đất thế chấp là Nhà nước hỗ trợ cho người nghèo vào năm 2011. Nay anh chị xin chừa lại căn nhà để ở gì hiện nay anh chị không có chỗ ở nào khác.

Anh H, chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh là anh ruột của chị N, anh H là em rể, anh là thành viên trong hộ bà Cao Thị A, trước đây anh có ký ủy quyền để cho bà A ký bảo lãnh tài sản thế chấp cho anh H, chị N vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL – Phòng giao dịch huyện T, tiền vay chỉ có anh H, chị N sử dụng, do anh H, chị N không thanh toán nợ nên đại diện Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, lúc cho vay tiền Ngân hàng không có xuống đất thẩm định tài sản.

Anh C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai bà Cao Thị A trình bày:

Bà là mẹ ruột của chị N, anh H là con rể, bà không nhớ ngày tháng năm (do bà không biết chữ), nhưng bà nhớ có lằng tay hợp đồng thế chấp bảo lãnh cho anh H, chị N vay tiền, tài sản thế chấp gồm các thửa đất 317, 320, 396, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy CNQSDĐ số B714883 do UBND huyện T cấp ngày 30/7/1994 do hộ bà đứng tên quyền sử dụng đất, tiền vay chỉ có anh H, chị N sử dụng. Nay bà cũng đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp chỉ xin chừa lại thửa đất có căn nhà để ở vì hiện nay gia đình không còn chỗ ở nào khác.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số TD 2185/HĐTD, vay số tiền vốn bằng 120.000.000 đồng.

Bà Cao Thị A đại diện hộ gia đình đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp gồm các thửa đất 317, 320 đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp bán đấu giá để thu hồi nợ; Anh H, chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Bà Cao Thị A xin chừa lại thửa đất 396 có căn nhà để ở vì hiện nay gia đình không còn chỗ ở nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và những

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự còn vắng mặt trong phiên hòa giải không có lý do.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền bằng 123.476.820 đồng và lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong hợp đồng tín dụng; Về xử lý tài sản thế chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử lý thửa đất 317, 320, tổng diện tích thực đo 5.382,1m², tờ bản đồ số 0002, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Cao Thị A đứng tên quyền sử dụng đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng, còn lại thửa đất 396 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú ở ấp M, xã N, huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị A, anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị L trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà A, anh T và chị L vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà A, anh T và chị L.

[2] *Về nội dung*: Vào ngày 20/6/2013 Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL –Phòng giao dịch huyện T với anh H, chị N có ký kết hợp đồng tín dụng số TD 2185/HĐTD vay số tiền vốn bằng 120.000.000 đồng, lãi suất tiền vay 1.3%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn, hạn trả cuối cùng ngày 20/9/2014 và trong hợp đồng có thỏa thuận phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả. Để đảm bảo khoản vay hộ bà Cao Thị A có ký thế chấp tài sản gồm các thửa đất 317, 320, 396, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy CNQSDĐ số B714883 do UBND huyện T cấp ngày 30/7/1994 do bà A đứng tên quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ. Hợp đồng thế chấp có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N, tổng giá trị tài sản Ngân hàng tính bằng 418.000.000 đồng để đảm bảo cho vay bằng 120.000.000 đồng.

Xét lời thừa nhận của anh H, chị N là phù hợp với hợp đồng tín dụng và các tài liệu do Ngân hàng cung cấp. Như vậy người khởi kiện đã có đủ chứng cứ để chứng minh anh H, chị N có vay và ký nhận tại Ngân hàng bằng 120.000.000 đồng. Căn cứ Điều 3 hợp đồng tín dụng thì ngày cuối cùng trả nợ gốc là ngày 20/9/2014 nhưng đến hạn trả nợ anh H, chị N không trả đầy đủ nợ gốc và nợ lãi là vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận tại Điều 9 của hợp đồng tín dụng ký kết ngày 20/6/2013. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H, chị N hoàn trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Đối với tiền lãi mà anh H chị N đã đóng cho Ngân hàng, do anh H chị N không yêu cầu tính lại lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Kể từ ngày 30/8/2017 nếu anh H, chị N không trả được nợ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng.

[3] *Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng:* Tại mục 3.2 của đơn đăng ký tài sản thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 20/6/2013 có chứng nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T thì phần tài sản gắn liền với đất là không có. Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần thì trên thửa đất 396, diện tích thực đo 3.758,9m², tờ bản đồ số 002; tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Cao Thị A đứng tên quyền sử dụng đất gồm có 02 căn nhà:

*** Căn nhà của bà Cao Thị A (nhà tình nghĩa) sử dụng:**

- **Nhà chính:** Chiều ngang 05m, chiều dài 11,6m; kết cấu mái lợp tol lạnh, đòn tay gỗ xây dựng, khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền láng xi măng.

- **Nhà Sau:** Chiều ngang 5,85m, chiều dài 11,3m; kết cấu, mái lá, vách lá, khung gỗ tạp, nền đất.

- **Sàn nước và nhà vệ sinh:** Chiều ngang 5m, chiều dài 2,4m; kết cấu mái lợp tol xi măng, khung cột gỗ tạp không vách, nền láng xi măng trong đó có nhà vệ sinh chiều ngang 2,4m, chiều dài 1,4m tường xây gạch, nền gạch men.

*** Nhà của anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị N sử dụng:**

- **Nhà chính** (nhà tình thương) được xây dựng vào năm 2011: Chiều ngang 5m, chiều dài 10,7m; kết cấu, mái lợp tol xi măng, đòn tay gỗ xây dựng, khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch nền gạch men.

- **Nhà sau:** Chiều ngang 3,5m, chiều dài 2,6m; kết cấu mái lợp tol lạnh, nền láng xi măng, đòn tay sắt.

- **Sàn nước:** Chiều ngang 3,5m, chiều dài 2,6m; kết cấu mái lợp tol lạnh, khung gỗ tạp, nền láng xi măng.

- **Nhà vệ sinh:** Chiều ngang 1,5m, chiều dài 2m; kết cấu mái lợp tol xi măng, tường xây gạch, nền gạch men.

- Ngoài ra trên thửa đất còn có cây trái, hoa màu gồm: Dừa từ 05 năm đến 20 năm bằng 57 cây; Xoài 01 cây và Nhãn 01 cây.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng trình bày trước khi cho vay Ngân hàng có xuống đất thế chấp thẩm định tài sản trên đất, nhưng theo hồ sơ Ngân hàng cung cấp thì không thể hiện biên bản thẩm định tài sản trên đất gồm những tài sản gì. Tại Điều 1 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/6/2013 bên A (tức bà A) đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên B, nhưng tài sản gắn liền với đất là tài sản gì không được Ngân hàng thẩm định, mô tả chi tiết trong hợp đồng thế chấp và không đăng ký thế chấp, không xác định căn nhà ra bằng tiền. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thửa 396 của Ngân hàng.

Đối với thửa đất 317 diện tích thực đo 5.298,4m², loại đất màu và thửa 320 diện tích thực đo 83,9m² trên 02 thửa đất không có nhà và công trình phụ (chỉ có dừa, chuối). Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số: B714883 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/7/1994 thuộc thửa 317 và thửa 320, cùng tờ bản đồ số 2; tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh và toàn bộ tài sản gắn liền với đất của hộ bà Cao Thị A là phù hợp với quy định tại các Điều 342 và Điều 343 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí và được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chấp nhận giảm 50% án phí cho bị đơn.

[5] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí, chi phí thẩm định tại chỗ do yêu cầu xử lý tài sản không được chấp nhận.

[6] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 135, 137, 342, 343, 471, 472 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 27 của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL yêu cầu anh H và chị N hoàn trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số TD 2185/HĐTD ngày 20/6/2013 và xử lý tài sản thế chấp.

2. Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL tổng cộng bằng 123.746.820 đồng (trong đó vốn gốc 114.000.000 đồng, lãi quá hạn bằng 9.476.820 đồng).

Kể từ ngày 30/8/2017 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng số TD 2185/HĐTD ngày 20/6/2013 cho đến khi thi hành án xong.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu anh H và chị N không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng số TD 2185/HĐTD ngày 20/6/2013 là quyền sử dụng đất diện tích thực đo 5.298,4m², loại đất màu, thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 2 và diện tích thực đo 83,9m², thuộc thửa 320, tờ bản đồ số 2; cùng tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B714883 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/7/1994 cho hộ bà Cao Thị A.

4. Không chấp nhận xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL là quyền sử dụng đất diện tích thực đo 3.758,9m² thửa đất 396, tờ bản đồ số 2; tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B714883 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/7/1994 cho hộ bà Cao Thị A.

5. **Về án phí:** Buộc bị đơn anh H, chị N phải chịu 6.187.341 đồng (123.746.820 đồng x 5%). Do bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí và được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chấp nhận giảm 50% án phí cho anh H, chị N. Như vậy anh H, chị N còn phải nộp tiếp 3.093.670 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí do không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.532.418 đồng theo biên lai thu tiền 0008239 ngày 14/12/2016. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền còn dư bằng 4.332.418 đồng theo biên lai thu tiền trên.

6. **Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL phải chịu 500.000 đồng, đã nộp và chi xong.

Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N phải chịu 500.000 đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

7. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm

